UBND TỈNH LÂM ĐỒNG **SỞ CÔNG THƯƠNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: /SCT-KHTH V/v rà soát, hoàn thiện hồ sơ Quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021 – 2030, tầm nhìn đến 2050 lĩnh vực Công Thương	*Lâm Đồng, ngày tháng 11 năm 2023*

Kính gửi: Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Lâm Đồng

Thực hiện văn bản số 9784/UBND-KH1 ngày 06/11/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng về việc khẩn trương hoàn thiện hồ sơ quy hoạch tỉnh Lâm Đồng thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 theo ý kiến rà soát của Hội đồng thẩm định Trung ương;

Qua nhiều lần góp ý kiến, đơn vị tư vấn đã tiếp thu chỉnh đề án Quy hoạch tỉnh Lâm Đồng thời kỳ 2021 – 2030, tầm nhìn đến năm 2050 (Quy hoạch tỉnh) đối với lĩnh vực Công Thương. Tuy nhiên, qua rà soát lại, Sở Công Thương nhận thấy còn một số nội dung chưa điều chỉnh đầy đủ, đề nghị đơn vị tư vấn tiếp tục cập nhập, hoàn chỉnh các nội dung như sau:

1. Tại Phụ lục VIII: PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN MẠNG LƯỚI CẤP ĐIỆN TỈNH LÂM ĐỒNG THỜI KỲ 2021-2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050 tại Dự thảo Quyết định Sở Công Thương góp ý trực tiếp vào Phụ lục VIII (kèm theo văn bản).

Đối với Tờ trình, Báo cáo tổng hợp và Phụ lục báo cáo tổng hợp: đề nghị đơn vị tư vấn cập nhật, chỉnh sửa lại các nội dung cho phù hợp với các nội dung đã được góp ý tại Phụ lục VIII của Dự thảo Quyết định.

Đề nghị bổ sung Dự án tổ hợp alumin – nhôm THACO Lâm Đồng của Công ty cổ phần Tập đoàn Trường Hải đề xuất tổng lượng điện 856,235MW (Nhà máy tuyển bô-xít: 5.886.000 tấn tinh quặng/năm bô xít; nhà máy alumin công suất 2.000.000 tấn alumin/năm; nhà máy điện phân nhôm công suất 450.000 tấn nhôm kim loại/năm).

2. Nội dung về phương án phát triển cụm công nghiệp

Đối với Báo cáo tổng hợp:

- Nội dung: Đầu tư phát triển sản xuất CCN (trang 214) đề nghị điều chỉnh:... *được chấp thuận chủ trương đầu tư (08 dự án FDI)* thành:... ***(09 dự án FDI)***

- Nội dung Bảng 2.2.30 (trang 215) đề nghị nghiên cứu nội dung góp ý trực tiếp tại bảng 2.2.30 kèm theo văn bản này để điều chỉnh phù hợp.

Đối với dự thảo Quyết định phê duyệt Quy hoạch tỉnh của Thủ tướng Chính phủ: Phụ lục IV kèm theo dự thảo Quyết định, đề nghị bổ sung định hướng ngành nghề chủ yếu cụm công nghiệp An Nhơn, huyện Đạ Tẻh để đầy đủ và đồng bộ với các cụm công nghiệp bên trên.

Ngoài ra, nghiên cứu góp ý của Bộ Công Thương tại văn bản số 6565/BCT-KHTC ngày 23/9/2023 để bổ sung thông tin về vị trí cụm công nghiệp đến địa phận cấp xã đối với từng cụm công nghiệp và các nội dung khác tại văn bản 6565/BCT-KHTC.

3. Về Quy hoạch thăm dò, khai thác, chế biến và sử dụng các loại khoáng sản thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050

Rà soát, đối chiếu về tài nguyên, trữ lượng, ranh giới, toạ độ, diện tích các mỏ, điểm mỏ, cụm mỏ trên địa bàn tỉnh được nêu tại Quy hoạch thăm dò, khai thác, chế biến và sử dụng khoáng sản đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 866/QĐ-TTg để hoàn thiện các số liệu liên quan đến vấn đề sử dụng đất và chỉ tiêu phát triển công nghiệp tại Quy hoạch tỉnh, đảm bảo tính thống nhất, tuân thủ đúng quy định của pháp luật.

Cập nhật vào sơ đồ phương án phân bổ và khoanh định các chỉ tiêu sử dụng đất các khu vực diện tích đất phục vụ khai thác khoáng sản vào nhu cầu sử dụng đất chung toàn tỉnh giai đoạn 2021-2030 và đến 2050, đảm bảo các quy hoạch khác không nằm trong các Giấy phép hoạt động khoáng sản do Bộ Tài nguyên và Môi trường cấp trên địa bàn tỉnh, các khu vực khoáng sản trên địa bàn tỉnh đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt quy hoạch tại Quyết định số 866/QĐ-TTg ngày 18 tháng 7 năm 2023.

Tại trang 514 của dự thảo Quyết định đề nghị cụ thể hóa nội dung: Tập trung và ưu tiên phát triển bền vững công nghiệp khai thác và chế biến khoáng sản (bauxit, alumin, nhôm và các sản phẩm từ nhôm).

4. Tại mục III. 1.c.c1 (Trang 8) của dự thảo Quyết định: đề nghị điều chỉnh nội dung *"Thúc đẩy phát triển các sản phẩm chế biến nông sản, thực phẩm rau, quả, chè, cà phê,...; đồ uống, gắn với vùng nguyên liệu, phù hợp với tiêu chuẩn và đáp ứng yêu cầu của thị trường"* thành ***"Thúc đẩy phát triển các sản phẩm chế biến nông sản thực phẩm, rau, quả, chè, cà phê, đồ uống... gắn vùng nguyên liệu, phù hợp với tiêu chuẩn và đáp ứng yêu cầu của thị trường. Tập trung thu hút các dự án chế biến nông sản thế mạnh của địa phương tại các khu công nghiệp, cụm công nghiệp".***

Kính đề nghị Sở Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp.

Trân trọng./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- GĐ, các PGĐ Sở;
- Các phòng: QLCN, QLTM, KTATMT;
- Lưu: VT, KHTH.

GIÁM ĐỐC

Hoàng Trọng Hiền

Phụ lục VIII
PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN MẠNG LƯỚI CẤP ĐIỆN TỈNH LÂM ĐỒNG THỜI KỲ 2021-2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050

A. NGUỒN ĐIỆN

I. Nguồn điện hiện hữu tiếp tục vận hành

STT	Dự án nhà máy phát điện đã vận hành	Công suất (MW)	Điện năng (GWh)	Cấp điện áp đấu nối
	Tổng	***1.690,2***	**6.494,17**	
I	**Thủy điện**	***1.660,2***	**6.309,17**	
1	Thủy điện Đa Nhim	240	1213	220 kV
2	Thủy điện Đại Ninh	300	928	220 kV
3	Thủy điện Đồng Nai 2	70	263,8	220 kV
4	Thủy điện Đồng Nai 3	180	607,1	220 kV
5	Thủy điện Đồng Nai 4	340	1109,5	220 kV
6	Thủy điện Đồng Nai 5	150	616,45	220 kV
7	Thủy điện Quảng Hiệp	0,5	0,6	22 kV
8	Thủy điện Lộc Phát	0,6	2,3	22 kV
9	Thủy điện Suối Vàng	4,4	15	22 kV
10	Thủy điện Bảo Lộc	24,5	130	110 kV
11	Thủy điện Đa M'Bri	75	338,2	110 kV
12	Thủy điện Đa Dâng 2	34	152,11	110 kV
13	Thủy điện Đa Siat	13,5	59,34	35 kV
14	Thủy điện Đa Khai	8,1	37,59	22 kV
15	Thủy điện Tà Nung	2	7,68	22 kV
16	Thủy điện Đam Bol	9,6	42	22 kV
17	*Thủy điện Đăk Mê 1*	*6,5*	28	35 kV
18	Thủy điện Đa Kai	8	13,82	22 kV
19	Thủy điện Yan Tann Sien	19,5	80	110 kV
20	Thủy điện Đại Nga	10	44	22 kV
21	Thủy điện Krông Nô 2	30	109,17	110 kV
22	Thủy điện Krông Nô 3	18	59,49	110 kV
23	Thủy điện Đa Dâng 3	12	51,92	110 kV
24	Thủy điện Đa Trou Kea	4,5	14,54	22 kV
25	Thủy điện Đa R'cao	2	7	22 kV
26	Thủy điện Sar Deung	5	18,63	22 kV
27	Thủy điện Đa Dâng	14	68,63	22 kV
28	Thủy điện Đam Bri 1	7,5	28,54	22 kV
29	Thủy điện An Phước	12	44,49	22 kV
30	Thủy điện Đa Cho Mo 2	4,6	19,1	22 kV
31	Thủy điện Sar Deung 2	3	9,378	22 kV
32	Thủy điện Tân Lộc	12,4	39,31	22 kV
33	Thủy điện Đồng Nai 1	15	53,61	110 kV
34	Thủy điện Đa Cho Mo	9	42,3	22 kV
35	Thủy điện Đại Bình	15	54,57	22 kV
II	Nhiệt điện			
36	Nhiệt điện Bauxit nhôm	30	185	110 kV

II. Nguồn điện đang đầu tư, nâng cấp, quy hoạch mới

TT	Tên dự án	Địa điểm	Công suất dự kiến (MW)	Phương án, điểm đấu nối vào lưới điện quốc gia (Ký hiệu: Thanh cái (TC), Trạm biến áp (TBA), đường dây (ĐZ))
I	**THỦY ĐIỆN (Giai đoạn vận hành)**	**Giai đoạn năm 2021 - 2030**	**665,2**	
I.1	**Theo Bộ Công Thương**			
1	Đạ Sar (Cuối năm 2023)	Huyện Lạc Dương	12	TC 22kV TBA 110kV/22 Xuân Thọ chiều dài khoảng 21km, trong khi chờ TBA 110kV/22 Xuân Thọ vận hành đấu nối tạm Nhà máy thủy điện Đạ Sar vào tuyến 473 thuộc TBA 110kV/22 Đà Lạt 1
2	Đa Br'Len* (2023-2025) đang triển khai	Huyện Bảo Lâm	6,2	TC22 kV của TBA 110kV/22 – Bảo Lộc 2
3	Đa Hir (2023-2025)	Huyện Lạc Dương, Huyện Đơn Dương	26	Xây dựng trạm cắt 110 kV đấu nối chuyển tiếp (nằm giữa khoảng trụ từ 18 đến 20) trên ĐZ 110 kV Đa Nhim – Đà Lạt, từ trạm cắt rẽ nhánh mạch đơn vào NMTĐ Đa Hir
4	*Tân Thượng (2026 – 2030)*	Huyện Di Linh, Huyện Lâm Hà	22	TC110 kV của TBA 110kV/22 – Di Linh
5	Bảo Lâm (2026-2030)	Huyện Bảo Lâm	10	Đấu nối ĐZ 35 kV sang tỉnh Đắk Nông
6	Đức Thành (2026-2030)	Huyện Cát Tiên	40	Đấu nối ĐZ 110 kV sang tỉnh Bình Phước
7	Đạ Huoai 2 (2026-2030)	Huyện Đạ Huoai	10	TC22 kV của TBA 110kV/22 – Đạ Huoai
9	Cam Ly (2026-2030)	*TP. Đà Lạt*	12	*Đấu ngang vào đường dây 22 kV lưới điện địa phương*
10	Đa Nhim Thượng 2 (2026-2030)	Huyện Lạc Dương	12	TC22 kV của TBA 110kV/22 – Đà Lạt 2
11	Đam Bri 2 (2026-2030)	Huyện Đạ Huoai	12	TC22 kV của TBA 110kV/22 – Đạ Huoai
II.2	**Theo Quy hoạch điện VIII**			
1	Đăk R'Lấp 1 (2026-2030)	Huyện Bảo Lâm, Huyện Cát Tiên	53	Đấu chuyển tiếp trên 220 kV Đắk Nông - Long Bình
2	Đăk R'Lấp 2 (2026-2030)	Huyện Cát Tiên	68	TC220 kV TBA 10,5/220 kV NMTĐ Đắk R'Lấp 1
3	Đăk R'Lấp 3 (2026-2030)	Huyện Cát Tiên	82	TC220 kV TBA 10,5/220 kV NMTĐ Đắk R'Lấp 2
III.2	**Nguồn điện đang đầu tư, nâng cấp, quy hoạch mới**			
1	Cam Ly 2 (2026-2030)	Huyện Lâm Hà, Huyện Đức Trọng	12	TC22 kV của TBA 110kV/22 – Lâm Hà
2	Đa Đam (2026-2030)	Huyện Lạc Dương	16	TC22 kV của TBA 110kV/22 – Đà Lạt 2

TT	Tên dự án	Địa điểm	Công suất dự kiến (MW)	Phương án, điểm đấu nối vào lưới điện quốc gia (Ký hiệu: Thanh cái (TC), Trạm biến áp (TBA), đường dây (ĐZ))
3	*Đa Khai mở rộng** (2023 – 2025) Đã vận hành 8MW*	Huyện Lạc Dương	06	TC22 kV của TBA 110kV/22 – Đà Lạt 2
4	Đa Nhim Thượng 3 mở rộng (2026-2030)	Huyện Lạc Dương, Huyện Đơn Dương, Thành phố Đà Lạt	18	TC22 kV của TBA 110kV/22 – Xuân Thọ
5	Tân Văn (2026-2030)	Huyện Lâm Hà	10	TC22 kV của TBA 110kV/22 – Lâm Hà
6	Đa Nhim Thượng 4 (2026-2030)	Huyện Đơn Dương, Thành phố Đà Lạt	10	TC22 kV của TBA 110kV/22 – Xuân Thọ
7	Liên Nghĩa (2026-2030)	Huyện Đơn Dương, Huyện Đức Trọng	20	Đấu chuyển tiếp trên ĐZ 110 kV Di Linh – Đức Trong
8	Tà Hine (2026-2030)	Huyện Đức Trọng	10	Đấu ngang vào đường dây 22 kV lưới điện địa phương
9	Tam Bố (2026-2030)	Huyện Di Linh, Huyện Đức Trọng	10	Thanh cái 110 kV của TBA 110 kV NMTĐ Đồng Nai 1
10	Tân Thanh (2026-2030)	Huyện Lâm Hà	12	TC22 kV của TBA 110kV/22 – Di Linh
11	Lộc Nam (2026-2030)	Huyện Bảo Lâm	36	TC110kV của TBA 110 kV NMTĐ Bảo Lộc
12	Đa R'Sal (2026-2030)	Huyện Đam Rông	42	TC220 kV của TBA 220 kV NMTĐ Buôn Tua Srah (cải tạo, mở rộng thanh cái 220 kV), tỉnh Đắk Lắk Đấu chuyển tiếp trên 220 kV Đắk Nông- Long Bình
13	Đạ Kho (2026-2030)	Huyện Đạ Tẻh	50	Đấu chuyển tiếp vào ĐZ 110 kV Tân Phú-Đạ Tẻh
14	Đạ Lây (2026-2030)	*Huyện Đạ Tẻh, Huyện Cát Tiên*	16	TC22 kV của TBA 110kV/22 – Cát Tiên
15	Crom Lúc (2026-2030)	Huyện Di Linh	12	Đấu nối chuyển tiếp vào ĐZ 110 kV Hàm Thuận – Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận
16	Sông Nhun (2026-2030)	Huyện Di Linh	10	*TC22 kV của TBA 110/22 kV NMTĐ Crom Lúc*
17	Đam Bri 1 Mở rộng (2026-2030)	Bảo Lâm	10	*TC 22 kV của TBA 6,3/22 kV NMTĐ Đam Bri 1*
II	**THỦY ĐIỆN TÍCH NĂNG**	**Giai đoạn năm 2031 - 2050**	**7.100**	
II.1	**Theo Quy hoạch điện VIII**			
1	Thủy điện tích năng Đơn Dương (2031-2050)	Xuân Trường – Đà Lạt, Dran – Đơn Dương	1.200	Đấu nối chuyển tiếp vào ĐZ 500 kV Thuận Nam – Chơn Thành
II.2	**Nguồn điện đang đầu tư, nâng cấp, quy hoạch mới**			

TT	Tên dự án	Địa điểm	Công suất dự kiến (MW)	Phương án, điểm đấu nối vào lưới điện quốc gia (Ký hiệu: Thanh cái (TC), Trạm biến áp (TBA), đường dây (ĐZ))
1	Thủy điện tích năng KOSY Di Linh (2031-2050)	Gia Bắc – Di Linh	1.500	TBA 500 kV Di Linh
2	Thủy điện tích năng Đạ Tẻh (2031-2050)	Mỹ Đức – Đạ Tẻh	1.000	Đấu nối chuyển tiếp vào ĐZ 500 kV Thuận Nam – Chơn Thành
3	Thủy điện tích năng Tân Nghĩa (2031-2050)	Xã Tân Nghĩa, xã Đinh Lạc – huyện Di Linh	600	Đấu nối chuyển tiếp vào ĐZ 500 kV Ninh Sơn – Chơn Thành
4	Thủy điện tích năng Tân Thanh (2031-2050)	Xã Tân Thanh – huyện Lâm Hà	800	TC 500 kV TBA 500 kV NMTĐTN Tân Nghĩa
5	Thủy điện tích năng Đinh Trang Thượng (2031-2050)	Xã Đinh Trang Thượng – huyện Di Linh	1.000	TC 500 kV TBA 500 kV NMTĐTN Tân Thanh
6	Thủy điện tích năng Bảo Thuận (2031-2050)	Xã Bảo Thuận – huyện Di Linh	1.000	TC 500 kV TBA 500 kV – Di Linh
III	**ĐIỆN GIÓ**		**1427,4**	
III.1	**Nguồn điện đang đầu tư, nâng cấp, quy hoạch mới**			
1	*Cầu Đất hiệu chỉnh (2021 – 2025)*	*TP. Đà Lạt*	*68*	*Đấu nối chuyển tiếp lên tuyến đường dây 110 kV Suối Vàng – Đa Nhim hiện hữu*
2	Điện gió Đức Trọng (2021 – 2025)	Huyện Đơn Dương	50	Đấu nối chuyển tiếp trên ĐZ 220 kV Đa Nhim – Đức Trọng *hiện hữu*
3	Điện gió Xuân Trường 1 (2021 – 2025)	Thành phố Đà Lạt, Huyện Đơn Dương	50	TC 110 kV NMĐG Xuân Trường 2 (Lắp mới máy biến áp nâng áp 33/110 kV công suất 63 MVA tại TBA nâng áp 33/110 kV NMĐG Xuân Trường *1*)
4	Điện gió Xuân Trường 2 (2021 – 2025)	Thành phố Đà Lạt, Huyện Đơn Dương	48	Xây dựng TBA nâng áp 33/110 kV NMĐG Xuân Trường 2, công suất 63 MVA đấu nối chuyển tiếp trên ĐZ 110kV TĐ Đa Nhim – Đơn Dương
5	Điện gió Tà Năng 1 (2026 – 2030)	Huyện Đức Trọng	113,4	Đường dây 220kV Tà Năng – rẽ Đức Trọng - Di Linh (2x20km)
6	Điện gió Tà Năng 2 (2026 – 2030)	Huyện Đức Trọng	184,8	*Đường dây 220kV mạch đơn đấu nối về TBA 220kV NMĐG Tà Năng 1, dây dẫn 1xACSR300*
7	Điện gió Đơn Dương 1 (2026 – 2030)	Huyện Đơn Dương	49,8	TC 220 kV NMĐG Đức Trọng (Lắp mới máy biến áp nâng áp 33/220 kV công suất 63 MVA tại

TT	Tên dự án	Địa điểm	Công suất dự kiến (MW)	Phương án, điểm đấu nối vào lưới điện quốc gia (Ký hiệu: Thanh cái (TC), Trạm biến áp (TBA), đường dây (ĐZ))
				TBA nâng áp 33/220 kV NMĐG Đức Trọng) để đấu nối NMĐG Đơn Dương 1
8	Điện gió Đơn Dương 2 (2026 – 2030)	Huyện Đơn Dương	49,8	TC 220 kV NMĐG Đức Trọng (Lắp mới máy biến áp nâng áp 33/220 kV công suất 63 MVA tại TBA nâng áp 33/220 kV NMĐG Đức Trọng để đấu nối NMĐG Đơn Dương 2
9	Điện gió Đơn Dương 3 (2026 – 2030)	Huyện Đơn Dương	49,8	TC 220 kV NMĐG Đức Trọng (Lắp mới máy biến áp nâng áp 33/220 kV công suất 63 MVA tại TBA nâng áp 33/220 kV NMĐG Đức Trọng) để đấu nối NMĐG Đơn Dương 3
10	Điện gió Đơn Dương 3A (2026 – 2030)	Huyện Đơn Dương	49,8	TC 220 kV NMĐG Đức Trọng (Lắp mới máy biến áp nâng áp 33/220 kV công suất 63 MVA tại TBA nâng áp 33/220 kV NMĐG Đức Trọng) để đấu nối NMĐG Đơn Dương 3A
11	*Điện gió Đơn Dương (2031-2050)*	Huyện Đơn Dương	128	ĐZ 220kV mạch kép đấu chuyển tiếp trên ĐZ 220 kV T. Cắt Đa Nhim – Đức Trọng
12	*Điện gió Ninh Gia (2031-2050)*	Huyện Đức Trọng	100	Đấu nối chuyển tiếp trên ĐZ 220 kV Đức Trọng – Di Linh
13	*Điện gió Di Linh (2031-2050)*	Huyện Di Linh	150	Đấu nối chuyển tiếp trên 1 mạch ĐZ 220 kV Di Linh – Bảo Lộc
14	*Điện gió Cầu Đất (Giai đoạn2) (2031-2050)*	Thành phố Đà Lạt	90	Đấu nối chuyển tiếp trên ĐZ 110 kV Đa Nhim – Suối Vàng
15	*Điện gió Tân Thượng Di Linh (2031-2050)*	Huyện Di Linh	50	Đấu nối chuyển tiếp trên 1 mạch ĐZ 110 kV TĐ Tân Thượng – Di Linh
16	*Điện gió Lạc Dương (2031-2050)*	Huyện Lạc Dương	48	Đấu nối chuyển tiếp trên 1 mạch ĐZ 110 kV TĐ Đa Nhim – Suối Vàng
17	*Điện gió Đạ Sar (2031-2050)*	Huyện Lạc Dương	48	TC110kV trạm 110kV Suối Vàng
18	*Ninh Loan - Đà Loan (2031-2050)*	Huyện Đức Trọng	100	TC220kV trạm 220kV Tà Năng
IV	**ĐIỆN MẶT TRỜI**	**Đưa vào quy hoạch giai đoạn sau năm 2030**	***704,5***	
IV.1	**Theo Quy hoạch điện VIII**			
1	Điện mặt trời Tam Bố	Huyện Di Linh	40	Đấu chuyển tiếp trên ĐZ 110 kV TĐ Đa Dâng 3 – Di Linh
IV.2	**Nguồn điện đang đầu tư, nâng cấp, quy hoạch mới**			

TT	Tên dự án	Địa điểm	Công suất dự kiến (MW)	Phương án, điểm đấu nối vào lưới điện quốc gia (Ký hiệu: Thanh cái (TC), Trạm biến áp (TBA), đường dây (ĐZ))
1	Điện mặt trời nổi Đại Ninh	Huyện Đức Trọng	96	Đấu chuyển tiếp trên ĐZ 220 kV Đức Trọng – Di Linh
2	Điện mặt trời hồ Đắk Lô	Huyện Cát Tiên	28	ĐZ 110kV đấu vào trạm 110kV Cát Tiên
3	Điện mặt trời Đa Dâng 2	Huyện Lâm Hà	*13*	ĐZ 110kV đấu vào TĐ Đa Dâng 2
4	Điện mặt trời nổi Đồng Nai 2	Huyện Lâm Hà	240	ĐZ 220kV đấu vào TĐ Đồng Nai 2
5	Điện mặt trời nổi Đồng Nai 5	Huyện Bảo Lâm	12	Đấu vào TĐ Đồng Nai 5
6	Điện mặt trời hồ Đạ Hàm	Huyện Đạ Tẻh	*38*	ĐZ 110kV đấu vào trạm 110kV Đạ Tẻh
7	Điện mặt trời hồ chứa TĐ Krông Nô 3	Huyện Đam Rông	70	TC 110kV TĐ Krông Nô 3
8	Điện mặt trời ĐamB'ri 1	Huyện Bảo Lâm	17,5	ĐZ 110kV đấu vào Trạm Bảo Lâm
9	Điện mặt trời hồ Đạ Sị	Huyện Cát Tiên	70	ĐZ 110kV đấu vào Trạm Đạ Tẻh
10	Điện mặt trời hồ Đắk Long Thượng	Huyện Bảo Lâm	40	Đấu chuyển tiếp trên ĐZ 110kV Bảo Lộc – Bảo Lâm
11	Điện mặt trời Đồng Nai 1	*Huyện Di Linh, huyện Lâm Hà*	*40*	*Đấu chuyển tiếp trên ĐZ 110kV TĐ Đồng Nai 1 – TĐ Tam Bố*
V	**ĐIỆN RÁC**	**Giai đoạn 2021-2030**	**15**	
V.1	**Nguồn điện đang đầu tư, nâng cấp, quy hoạch mới**			
1	Điện rác Đức Trọng	Huyện Đức Trọng	7,5	Đấu nối vào lưới điện 22 kV địa phương
2	Điện rác Bảo Lộc	Thành phố Bảo Lộc	7,5	Đấu nối vào lưới điện 22 kV địa phương

Ghi chú: Số lượng, quy mô, vị trí dự án sẽ được cụ thể hóa ở Đề án phát triển năng lượng và chủ trương đầu tư của từng dự án. Đầu tư các dự án phát triển nguồn điện trên địa bàn tỉnh căn cứ vào Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 và các quy hoạch liên quan được cấp thẩm quyền phê duyệt.

Lưu ý:

- * Các nguồn điện vừa và nhỏ, công suất dưới 50 MW .
- Việc đầu tư các dự án phát triển nguồn điện và lưới điện truyền tải trên địa bàn tỉnh đảm bảo phù hợp với Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 và các quy hoạch liên quan được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

B. LƯỚI ĐIỆN PHÂN PHỐI

I. Trạm biến áp

TT	Tên trạm biến áp	Quy mô, công suất (MVA)		Ghi chú
		Hiện trạng	Công suất dự kiến năm 2030	(Xây dựng mới; nâng cấp, cải tạo)
I	**Trạm biến áp 110 kV**			
1	Trạm 110/22 kV Đà Lạt 1 công suất 2x40 MVA			Duy trì
2	Trạm 110/22 kV Đà Lạt 2 công suất (2x40 MVA)			Duy trì
3	Trạm 110/22 kv Đơn Dương công suất (2x40 MVA)			Duy trì
4	Máy biến áp 110/22 kV - 40 MVA đặt bên trong trạm 220 kV Bảo Lộc			Duy trì
5	Trạm 110/22/6,3 kV Bauxit nhôm công suất 2x15 MVA			Duy trì
6	Xây dựng mới TBA 110/22kV Xuân Thọ		T1: 40MVA; T2: 40MVA	Xây dựng mới
7	Xây dựng mới TBA 110/22kV Phú Bình		T1: 40 MVA	Xây dựng mới
8	Xây dựng mới TBA 110/22kV Đam Rông		T1: 40 MVA; *T2: 40 MVA (2031-2050)*	Xây dựng mới
9	Xây dựng mới TBA 110/22kV Hòa Ninh		T1: 40 MVA; *T2: 40 MVA (2031-2050)*	Xây dựng mới
10	Xây dựng mới TBA 110/22kV Đà Loan		T1: 40 MVA; *T2: 40 MVA(2031-2050)*	Xây dựng mới
11	Xây dựng mới TBA 110/22kV Đơn Dương 2		T1: 40 MVA; *T2: 40 MVA(2031-2050)*	Xây dựng mới
12	Xây dựng mới TBA 110/22kV Đà Lạt 3		T1: 40 MVA; *T2: 40 MVA(2031-2050)*	Xây dựng mới
13	Xây dựng mới TBA 110/22kV Lâm Hà 2		T1: 40 MVA; *T2: 40 MVA(2031-2050)*	Xây dựng mới
14	Xây dựng mới TBA 110/22kV Bảo Lộc 2		T1: 63MVA; T2: 63 MVA	Xây dựng mới
15	Xây dựng mới TBA 110/22kV Bảo Lộc 3		T1: 63 MVA	Xây dựng mới
16	Xây dựng mới TBA 110/22kV Cát Tiên		T1: 40MVA; *T2: 40 MVA (2031-2050)*	Xây dựng mới
17	Xây dựng mới TBA 110/22kV Đạ Huoai		T1: 40 MVA; *T2: 40 MVA (2031-2050)*	Xây dựng mới

TT	Tên trạm biến áp	Quy mô, công suất (MVA)		Ghi chú
		Hiện trạng	Công suất dự kiến năm 2030	(Xây dựng mới; nâng cấp, cải tạo)
18	Xây dựng mới Trạm cắt 110kV Ninh Gia (4 ngăn lộ 110 kV)			Xây dựng mới
19	Nâng công suất TBA 110kV Lâm Hà		Lắp máy T2: 40 MVA	Cải tạo, mở rộng
20	Nâng công suất TBA 110kV Đức Trọng	T2: 25MVA	40 MVA	Cải tạo, mở rộng
21	Nâng công suất TBA 110kV Suối Vàng	*T2: 25MVA*	*Lắp máy T1: 40MVA; T2: 25MVA thành 40MVA*	Cải tạo, mở rộng
22	Nâng công suất TBA 110kV Bảo Lâm		Lắp máy T2: 40 MVA	Cải tạo, mở rộng
23	Nâng công suất TBA 110kV Đạ Tẻh		Lắp máy T2: 40 MVA	Cải tạo, mở rộng
24	Nâng công suất TBA 110kV Di Linh	Từ 2x25MVA	2x40 MVA	Cải tạo, mở rộng
II	**Trạm biến áp 220 kV**			
1	TBA 220/110kV Đa Nhim	Từ 250 MVA	500MVA	*Nâng công suất*
2	Nâng công suất TBA 220/110kV Đức Trọng	*Từ 250MVA*	500MVA	Nâng công suất
3	Nâng công suất TBA 220/110kV Bảo Lộc	*Từ 290MVA*	*500MVA*	Nâng công suất
4	Xây dựng mới TBA 33/220kV nhà máy điện gió Đức Trọng		2x250 MVA	*Xây dựng mới*
5	Xây dựng mới TBA 220kV Tà Năng		2x250 MVA	Xây dựng mới
III	**Trạm biến áp 500 Kv**			
1	Nâng công suất TBA 500kV Di Linh	Từ 2x450 MVA	2x900 MVA	Nâng công suất

II. Đường dây

TT	Tên đường dây	Quy mô (số mạch)		Ghi chú
		Hiện trạng	Quy mô dự kiến năm 2030	(Xây dựng mới; nâng cấp, cải tạo)
I	**Đường dây 110 kV**			
1	Đường dây 110kV Đức Trọng 2- Đức Trọng		*Dây dẫn ACSR-2x185*	*Nâng cấp*
2	Đường dây 110kV Bảo Lộc - *Lộc Châu* - Đambri			Duy trì
3	Đường dây 110kV Đambri- Đạ Tẻh		*Dây dẫn ACSR-2x240*	*Nâng cấp*
4	Đường dây 110kV Suối Vàng- Yan Tan Sien			Duy trì

TT	Tên đường dây	Quy mô (số mạch)		Ghi chú
		Hiện trạng	Quy mô dự kiến năm 2030	(Xây dựng mới; nâng cấp, cải tạo)
5	Đường dây 110kV Suối Vàng- Krông Nô 2			Duy trì
6	Đường dây 110kV Krông Nô 2- Krông Nô 3			Duy trì
7	Đường dây 110kV Đa Dâng 2- Đa Dâng 3		*Dây dẫn ACSR-2x240*	*Nâng cấp*
8	Nhánh rẽ đấu nối TBA 110 kV Xuân Thọ (Chuyển tiếp trên đường dây 110kV Đa Nhim- suối vàng)		Dây dẫn ACSR-2x240	Xây dựng mới
9	Nhánh rẽ đấu nối TBA 110 kV Phú Bình (Chuyển tiếp trên đường dây 110kV Đức Trọng – Nhà máy thủy điện Đa Dâng 2)		Dây dẫn ACSR-400	Xây dựng mới
10	Xuất tuyến 110 kV từ TBA 220 kV Đức Trọng 2 (Chuyển tiếp trên đường dây 110kV Đức Trọng – Nhà máy thủy điện Đa Dâng 2)		Dây dẫn ACSR-400	Xây dựng mới
11	Đường dây 110kV Đam Rông - Lâm Hà (Đấu nối trạm TBA 110kV Đam Rông)		Dây dẫn ACSR-240	Xây dựng mới
12	Nhánh rẽ đấu nối TBA 110 kV Hòa Ninh (Chuyển tiếp trên dường dây 110kV từ TBA 220kV Bảo Lộc – Di Linh)		Dây dẫn ACSR-400	Xây dựng mới
13	Đường dây 110kV Bảo Lộc 2 - Bảo Lâm		Dây dẫn ACSR-400	Xây dựng mới
14	Nhánh rẽ đấu nối TBA 110 kV Đà Loan (Chuyển tiếp trên đường dây 110kV Đức Trọng – Nhà máy thủy điện Đa Dâng 2)		Dây dẫn ACSR-240	Xây dựng mới

TT	Tên đường dây	Quy mô (số mạch)		Ghi chú
		Hiện trạng	Quy mô dự kiến năm 2030	(Xây dựng mới; nâng cấp, cải tạo)
15	Nhánh rẽ đấu nối TBA 110 kV Đơn Dương 2 (Chuyển tiếp trên đường dây 110kV từ TBA 220kv Đức Trọng – Đà Lạt 1)		Dây dẫn ACSR-2x240	Xây dựng mới
16	Đường dây 110kV Lâm Hà - Suối Vàng		Dây dẫn ACSR-2x240	Xây dựng mới
17	*Đường dây 110kV Suối Vàng - Đam Rông*		*Dây dẫn ACSR-240*	*Xây dựng mới*
18	Nhánh rẽ đấu nối TBA 110 kV Đà Lạt 3 (Chuyển tiếp trên đường dây 110kV Lâm Hà – Suối Vàng)		Dây dẫn ACSR-2x240	Xây dựng mới
19	Nhánh rẽ đấu nối TBA 110 kV Lâm Hà 2 (Chuyển tiếp trên đường dây 110kV Lâm Hà – Suối Vàng)		Dây dẫn ACSR-2x240	Xây dựng mới
20	Nhánh rẽ đấu nối TBA 110 kV Bảo Lộc 3 (Chuyển tiếp trên đường dây 110kV Bảo Lộc 2 – Bảo Lâm)		Dây dẫn ACSR-240	Xây dựng mới
21	Đường dây 110kV Trạm 220 kV Đức Trọng - Rẽ Đức Trọng – Thủy điện Đa Dâng 2		Dây dẫn ACSR-2x240	Xây dựng mới
22	Đường dây 110kV Bảo Lộc 2 - Rẽ Trạm 220 kV Bảo Lộc – Thủy điện Đam Bri 2		Dây dẫn ACSR-240	Xây dựng mới
23	Đường dây 110kV Đạ Tẻh – Cát Tiên		Dây dẫn ACSR-240	Xây dựng mới
24	Đường dây 110kVĐạ Huoai - Rẽ Thủy điện Đam Bri 2 – Đạ Tẻh		Dây dẫn ACSR-240	Xây dựng mới
25	Đường dây 110kV Điện gió Xuân Trường 2 - Rẽ Thủy điện Đa Nhim – Đơn Dương		Dây dẫn ACSR-2x185	Xây dựng mới
26	Đường dây 110kV Điện gió Cầu Đất (gđ1) - Rẽ Đa Nhim – Suối Vàng		Dây dẫn ACSR-2x240	Xây dựng mới

TT	Tên đường dây	Quy mô (số mạch)		Ghi chú
		Hiện trạng	Quy mô dự kiến năm 2030	(Xây dựng mới; nâng cấp, cải tạo)
27	Đường dây 110kV Thủy điện Đồng Nai 1 - Rẽ Thủy điện Đa Dâng 3 – Di Linh		Dây dẫn ACSR-240	Xây dựng mới
28	Đường dây 110kV Thủy điện Tân Thượng - Rẽ Di Linh – Trạm 220 kV Bảo Lộc		Dây dẫn ACSR-240	Xây dựng mới
29	Đường dây 110kV Điện mặt trời Tam Bố - Rẽ Thủy điện Đa Dâng 3 – Di Linh		Dây dẫn ACSR-240	Xây dựng mới
30	Đường dây 110kV Thủy điện Đa Hir – Trạm 220 kV Đa Nhim		Dây dẫn ACSR-240	Xây dựng mới
31	Đường dây 110kV Điện mặt trời Hồ Đăk Lô – Cát Tiên		Dây dẫn ACSR-240	Xây dựng mới
32	Đường dây 110kV Điện mặt trời Hồ Đạ Hàm – Đạ Tẻh		Dây dẫn ACSR-240	Xây dựng mới
33	Đường dây 110kV Thủy điện Lộc Nam – Thủy điện Bảo Lộc		Dây dẫn ACSR-240	Xây dựng mới
34	Đường dây 110kV Thủy điện Đạ Kho - Rẽ Đạ Tẻh – Tân Phú (Đồng Nai)		Dây dẫn ACSR-240	Xây dựng mới
35	Cải tạo nâng tiết diện đường dây 110kV Đa Nhim - Đơn Dương	Từ AC-185	ACSR-2x185	Cải tạo, nâng tiết diện
36	Cải tạo nâng tiết diện đường dây 110kV Đơn Dương - Đức Trọng	Từ AC-185	ACSR-2x185	Cải tạo, nâng tiết diện
37	Cải tạo nâng tiết diện đường dây 110kV Trạm 220 kV Bảo Lộc - Di Linh	Từ AC-185	*ACSR400*	Cải tạo, nâng tiết diện
38	Cải tạo nâng tiết diện đường dây 110kV Trạm 220 kV Bảo Lộc - Bảo Lâm	Từ AC-185	ACSR-2x185	Cải tạo, nâng tiết diện

TT	Tên đường dây	Quy mô (số mạch)		Ghi chú
		Hiện trạng	Quy mô dự kiến năm 2030	(Xây dựng mới; nâng cấp, cải tạo)
39	Cải tạo nâng tiết diện đường dây 110kV Trạm 220 kV Bảo Lộc - Bảo Lộc 2 - Thủy điện Đam Bri 2	Từ AC-240	ACSR-2x240	Cải tạo, nâng tiết diện
40	Cải tạo nâng tiết diện đường dây 110kV Trạm 220 kV Đức Trọng - Đà Lạt 1	Từ AC-185	*ACSR 400*	Cải tạo, nâng tiết diện
41	Cải tạo, nâng tiết diện đường dây 110kV Đa Nhim - Suối Vàng	Từ AC336MCM	2xAC240mm	Cải tạo, nâng tiết diện
42	Cải tạo nâng tiết diện đường dây 110kV Đà Lạt 2 - Đà Lạt 1	Từ AC336MCM	2xAC240	Cải tạo, nâng tiết diện
43	Cải tạo nâng tiết diện đường dây 110kV Suối Vàng - Đà Lạt 2	Từ AC240	2xAC240	Cải tạo, nâng tiết diện
44	Cải tạo đường dây 110kV Đức Trọng – Lâm Hà		Thành 2 mạch, dây dẫn ACSR-240	Cải tạo, nâng tiết diện
45	Cải tạo nâng tiết diện đường dây 110kV Đạ Tẻh – Tân Phú (Đồng Nai)	Từ AC-240	ACSR-2x240	Cải tạo, nâng tiết diện
46	Cải tạo nâng tiết diện đường dây 110kV Đa Dâng 2 - Đức Trọng	Từ AC-240	ACSR-2x240	Cải tạo, nâng tiết diện
47	Cải tạo nâng tiết diện đường dây 110kV Đa Dâng 3 – Nhà máy thủy điện Đồng Nai 1 - Di Linh	Từ AC-240	ACSR-2x240	Cải tạo, nâng tiết diện
II	**Đường dây 220 kV**			
1	ĐD 220kV 271 Đa Nhim - 271 Đức Trọng			Duy trì
2	ĐD 220kV 272 Đức Trọng - 271 Di Linh			Duy trì
3	ĐD 220kV 272 Di Linh - 275 Bảo Lộc mạch 1			Duy trì
4	ĐD 220kV 271 Di Linh - 276 Bảo Lộc mạch 2			Duy trì
5	ĐD 220kV 274 Bảo Lộc - 274 Sông Mây			Duy trì
6	ĐD 220kV 274 Hàm Thuận - 272 Bảo Lộc.			Duy trì

TT	Tên đường dây	Quy mô (số mạch)		Ghi chú
		Hiện trạng	Quy mô dự kiến năm 2030	(Xây dựng mới; nâng cấp, cải tạo)
7	ĐD 220kV 274 Phan Thiết - 273 Bảo Lộc			Duy trì
8	ĐD 220kV Đại Ninh-Di Linh (mạch 1)			Duy trì
9	ĐD 220kV Đại Ninh-Di Linh (mạch 2)			Duy trì
10	Đường dây 220kV Bảo Lộc-Sông Mây (mạch 2)			Xây dựng mới
11	Đường dây 220kV từ Trạm cắt 220 kV Đa Nhim - Đức Trọng - Di Linh			Xây dựng mới
12	Đường dây 220kV Thủy điện Đồng Nai 2 - Rẽ Đức Trọng - Di Linh và chuyển đấu nối (Đức Trọng – Thủy điện Đồng Nai 2 thay cho Đức Trọng - Di Linh), cải tạo nâng khả năng tải đường dây 220 kV Thủy điện Đồng Nai 2 - Di Linh			Xây dựng mới
13	Đường dây 220kV Đức Trọng - Rẽ trạm cắt 220 kV Đa Nhim - Di Linh			Xây dựng mới
14	Đường dây 220kV Điện gió Đức Trọng - Rẽ Đa Nhim - Đức Trọng			Xây dựng mới
15	Đường dây 220kV Tà Năng - Rẽ Đức Trọng - Di Linh			Xây dựng mới
III	***Đường dây 500 kV***			
1	*Đường dây 500kV Ninh Sơn - Chơn Thành*		*275km(qua địa phận tỉnh Lâm Đồng khoảng 172km)*	*Xây dựng mới*

Ghi chú: Số lượng, quy mô, vị trí tuyến đường dây 220kV và 110kV trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng căn cứ Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 và các quy hoạch liên quan được cấp thẩm quyền phê duyệt.

Tên, vị trí, quy mô, diện tích, tổng mức đầu tư và nguồn vốn đầu tư của các công trình nêu trên sẽ được xác định cụ thể trong giai đoạn lập kế hoạch, phê duyệt hoặc quyết định chủ trương đầu tư thực hiện dự án.

C. QUY HOẠCH CHI TIẾT PHÁT TRIỂN LƯỚI ĐIỆN TRUNG VÀ HẠ ÁP SAU CÁC TRẠM BIẾN ÁP 110 KV TỈNH LÂM ĐỒNG

I. Tiêu chí phát triển lưới điện

- Cấp điện áp: Tương lai gần, lưới điện phân phối trung áp toàn tỉnh Lâm Đồng sẽ vận hành thống nhất ở 1 cấp điện áp 22kV. Lưới điện trung áp phân phối toàn tỉnh Lâm Đồng sẽ phát triển lưới điện 22kV. Lưới điện 35kV sẽ duy trì cấp điện cho các khách hàng chuyên dùng và phục vụ đấu nối thủy điện.

- Cấu trúc lưới điện trung và hạ áp:

+ Khu đô thị mới, khu công nghiệp và các hộ phụ tải quan trọng, lưới điện được thiết kế mạch vòng, vận hành hở. Khu vực nông thôn, lưới điện thiết kế hình tia.

+ Các đường trục trung áp ở chế độ làm việc bình thường mang tải từ 60 - 70% so với công suất mang tải cực đại cho phép để đảm bảo an toàn cấp điện khi sự cố.

+ Để đảm bảo độ tin cậy, cần tăng cường lắp đặt các thiết bị đóng lại (Recloser) trên các tuyến trung áp quan trọng và các nhánh nhằm phân đoạn sự cố.

+ Áp dụng hệ thống hạ áp 220/380V ba pha 4 dây trung tính nối đất trực tiếp. Khu vực thành phố, thị trấn, khu đô thị mới, khu du lịch, trung tâm thương mại với các phụ tải quan trọng thực hiện ngầm hóa và sử dụng cáp ngầm tiết diện đường trục ≥ 240mm2 hoặc đường dây nổi với tiết diện ≥ 185mm2, đường nhánh tiết diện ≥ 95mm2, bán kính cấp điện ≤ 300m. Các khu công nghiệp sử dụng cáp ngầm tiết diện đường trục ≥ 240mm2 hoặc đường dây nổi với tiết diện ≥ 150mm2. Khu vực nông thôn sử dụng đường dây trên không, tiết diện đường trục ≥ 150mm2, đường nhánh tiết diện ≥ 95mm2, bán kính cấp điện ≤ 600m.

+ Dây vào hòm công tơ sử dụng dây Muyle 2x11,2x25 mm2.

+ Dây dẫn vào nhà sử dụng dây đồng vặn xoắn, tiết diện 6mm2, 11 mm2, chiều dài trung bình từ cột hạ áp vào nhà dân nhỏ hơn 40m.

II. Quy hoạch phát triển lưới điện

- Hiện nay toàn tỉnh có 44 xuất tuyến trung áp, trong đó có 02 lộ 22kV sau trạm 35kV và 42 lộ 22kV sau các trạm 110kV.

Giai đoạn 2021-2030:

+ Xây dựng mới các xuất tuyến trung áp sau các trạm 110kV để giảm bán kính lưới điện trung áp;

+ Thực hiện kế hoạch "Đầu tư cải tạo, nâng cấp lưới điện trung hạ áp của ngành điện trên địa bàn toàn tỉnh.

III. Về khối lượng xây dựng lưới điện

Khối lượng xây dựng mới và cải tạo lưới điện trung và hạ áp tỉnh Lâm Đồng giai đoạn *2021-2030*, cụ thể như sau:

* Lưới phân phối trung áp:

- Giai đoạn 2021-2025:

+ Xây dựng mới 641,44km đường dây trung áp; cải tạo nâng cấp lưới trung áp 46,5km.

+ Xây dựng mới trạm biến áp 22/0,4kV với tổng dung lượng là 23.700kVA; cải tạo và nâng công suất trạm biến áp 22/0,4kV với tổng dung lượng là 2.090kVA.

- Giai đoạn 2026-2030:

+ Xây dựng mới 598,38km đường dây trung áp; cải tạo nâng cấp lưới trung áp 826,9km.

+ Xây dựng mới trạm biến áp 22/0,4kV với tổng dung lượng là 67.303kVA; cải tạo và nâng công suất trạm biến áp 22/0,4kV với tổng dung lượng là 53.388kVA.

* Lưới phân phối hạ áp:

- Giai đoạn 2021-2025: Xây dựng mới 826,9km đường dây hạ áp; cải tạo 93,03km đường dây hạ áp và lắp đặt 23.622 công tơ các loại.

- Giai đoạn 2026-2030: Xây dựng mới 755,35 km đường dây hạ áp; cải tạo 412,8km đường dây hạ áp và lắp đặt 22.841 công tơ các loại.

Bảng tổng hợp khối lượng cải tạo và phát triển lưới điện phân phối tại các huyện, thành phố Đà Lạt và Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng đến năm *2030*

TT	Huyện, thành phố	Khối lượng xây dựng									
		ĐD trung thế xây dựng mới (km)			ĐD trung thế cải tạo (km)	Trạm phân phối xây dựng mới		Trạm phân phối NCS (kVA)	Lưới hạ thế		
		3 pha	1 pha	Cáp ngầm		Số trạm	kVA		XDM (km)	CT (km)	Điện kế
A	**Giai đoạn *2021-2030***	**230,054**	**406,33**	**5,038**	**46,473**	**527**	**23.700**	**2.090**	**826,9**	**93,03**	**23.622**
1	Tp. Đà Lạt	15,474	-	5,038	7,043	16	1.600	-	16,2	12,8	3.737
2	Huyện Lạc Dương	23,58	13,5	-	4,54	23	1.200	47,5	36	3,8	7.86
3	Huyện Đơn Dương	17,8	31,1	-	-	71	3.245	332.5	67,2	10,5	1.654
4	Huyện Đức Trọng	8,3	40,48	-	9,57	84	3.735	-	96,9	8,5	3.873
5	Huyện Lâm Hà	34,4	76,6	-	-	75	2.075	-	193,3	-	1.806
6	Huyện Đam Rông	8,45	21	-	5,7	38	1.755	445	55,3	14,8	776
7	Huyện Di Linh	20,5	82,4	-	-	81	3.640	-	116,4	-	3.116
8	Thành phố Bảo Lộc	22,25	-	-	2,5	7	1.300	317,5	12,7	8	2.872
9	Huyện Bảo Lâm	26,5	53,4	-	15	40	1.150	385	80,5	9,6	2.461
10	Huyện Đạ Huoai	25,4	28,95	-	1,52	34	1.500	75	63,9	7,33	725
11	Huyện Đa Tẻh	9,9	13,9	-	-	26	1.095	50	36,05	7,4	1.082
12	Huyện Cát Tiên	17,5	45	-	0,6	32	1.405	437,5	52,45	10,3	734

TT	Huyện, thành phố	Khối lượng xây dựng									
		ĐD trung thế xây dựng mới (km)			ĐD trung thế cải tạo (km)	Trạm phân phối xây dựng mới		Trạm phân phối NCS (kVA)	Lưới hạ thế		
		3 pha	1 pha	Cáp ngầm		Số trạm	kVA		XDM (km)	CT (km)	Điện kế
B	**Giai đoạn 2026-2030**	**202,4**	**394,86**	**1,08**	**826,85**	**679**	**67.302**	**53.388**	**755,35**	**412,8**	**22.841**
1	Tp. Đà Lạt	49,09	-	1,08	27,5	48	7.460	-	32,65	26,15	3.485
2	Huyện Lạc Dương	25,77	24,45	-	26,3	34	3.010	267,5	43,9	8,7	1.198
3	Huyện Đơn Dương	13,2	1,17	-	60,2	54	10.495	1.062,50	49,85	39,15	1.344
4	Huyện Đức Trọng	15,6	52,19	-	147,6	65	3.940	1.285	90,1	42,3	2.482
5	Huyện Lâm Hà	43,07	112,01	-	109,7	136	11.288	4.487,50	189,5	50,25	2.694
6	Huyện Đam Rông	5,2	25,6	-	73	38	2.065	2.587,50	58	39,4	1.193
7	Huyện Di Linh	7,81	40,12	-	1 12,7	73	5.610	9.947,50	64,95	51,65	2.838
8	Thành phố Bảo Lộc	7,51	21,06		79,3	43	4.065	9.425	48,9	29,55	2 924
9	Huyện Bảo Lâm	15,75	81,71	-	14,8	100	5.835	10.690	99,25	40,65	2.361
10	Huyện Đạ Huoai	3,5	9,3	-	60,15	28	2.370	6.385	25,35	37,45	733
11	Huyện Đa Tẻh	10,61	4	-	45,5	28	6.190	4.273	23,2	24,4	844
12	Huyện Cát Tiên	5,29	13,25	-	70,1	32	4.975	2.977,50	29,7	23,15	745
TỔNG CỘNG (A+B)		**432,5**	**801,2**	**6,1**	**873,3**	**1.206**	**91.002, 50**	**55.477,50**	**1.582,30**	**505,8**	**46.463**

Ghi chú: Tên, vị trí, quy mô, diện tích, tổng mức đầu tư và nguồn vốn đầu tư của các công trình nêu trên sẽ được xác định cụ thể trong giai đoạn lập kế hoạch, phê duyệt hoặc quyết định chủ trương đầu tư thực hiện dự án.

Bảng 2.2.1. Danh mục hiện trạng phát triển cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng đến năm 2022

STT	Tên, địa điểm CCN	Diện tích (ha)		Tỷ lệ lấp đầy**	Số DN/VĐT
		Theo QĐ 118	Tỉnh phê duyệt		
1	Phát Chi (TP Đà Lạt)	26,4	26,4	~~96,16%~~ 90,11%	05/722,6 tỷ đ+2,5 Tr USD
2	Lộc Phát (TP Bảo Lộc)	52,69	37,4	~~22,7%~~ 19,2%	06/116,5 tỷ đ
3	Ka Đô (huyện Đơn Dương)	47,2	47,2	25,83%	03/10,35 Tr USD
4	Đinh Văn (huyện Lâm Hà)	35,0	34,37	~~86,5%~~ 93,8%	09/612,46 tỷ đ
5	Gia Hiệp (huyện Di Linh)	63,59	21,74	100%	05/403,46 tỷ đ + 6,48 Tr USD
6	Tam Bố (huyện Di Linh)*	30	30	34,5%	03/29,61 tỷ đ
7	Lộc Thắng (huyện Bảo Lâm	35,0	32,29	~~50,4%~~ 56,84%	~~05 /117,5~~ 07/183,45 Tỷ đ
8	Lộc An (huyện Bảo Lâm)	27,46	27,46		
9	Đạ Oai (huyện Đạ Huoai)	59,7	40,79		
10	Lạc Dương (huyện Lạc Dương)*	30,0	30		
11	Đa R'sal (huyện Đam Rông)	40	35,4		
	Tổng cộng	**447,04**	**363,05**	~~**55,5%**~~ **55,98%**	

Lý do: 06 tháng đầu năm 2023 CCN Lộc Thắng đã thu hút được 02 dự án nên tỷ lệ lấp đầy tăng, CCN Đinh Văn bổ sung được diện tích thuê đất của 01 dự án.